

Bản án số: 528/2025/DS-PT  
Ngày: 08/8/2025  
V/v chia thừa kế theo di chúc, đòi lại tài sản  
và tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các thẩm phán:*

Ông Trần Văn Kiến

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hữu Nghi- Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 265/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế theo di chúc, đòi lại tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 402/2025/QĐXXPT – DS ngày 07/7/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 472/2025/QĐPT-DS ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Hoàng N, sinh năm 1955 (đã chết);

Cư trú: Ấp T, xã T (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho ông Ngô Hoàng N là chị Ngô Thị Diễm N1, sinh năm 1992;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N là chị Ngô Thị Diễm N1, sinh năm 1992; Cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N1: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1964; Cư trú: số A, T, phường E, quận P (nay là phường Đ), thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/7/2025.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Anh D, sinh năm 1972;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Anh D: Ông Trần Văn Đ, sinh ngày 01/01/1963.

Cùng cư trú: ấp T, xã T, (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 24/01/2025.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1954 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1946, anh Lê Thanh H1, sinh năm 1976, chị Trần Thị T, sinh năm 1988, cháu Lê Thị Anh T1, sinh năm 2017;

Cùng cư trú: Khóm T, phường A, thành phố H (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Ngô Thị C, sinh năm 1959 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956, chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1979, anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1980, chị Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1987, anh Nguyễn Minh T3, sinh năm 1988;

Cùng cư trú: Ấp T, xã T (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Ngô Kim H2, sinh năm 1974;

Cư trú: Ấp T, xã T (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp Tháp.

4. Bà Ngô Kim P1, sinh năm 1975;

Cư trú: Ấp T, xã T (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp Tháp.

5. Bà Đinh Thị Bé T4, sinh năm 1970;

Cư trú: Ấp T, xã T (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp Tháp.

6. Anh Ngô Hoàng Q, sinh năm 2006;

Cư trú: Ấp T, xã T (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp Tháp.

7. *Người làm chứng:*

7.1. Ông Ngô Văn H3 (tên gọi khác Ngô Việt H4), sinh năm 1965. Cư trú: khóm C, phường A, thành phố H (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

7.2. Ông Ngô Văn N2, sinh năm 1960. Cư trú: khóm C, phường A, thành phố H (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

7.3. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1965. Cư trú: ấp T, xã T, (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

7.4. Ông Ngô Văn T6, sinh năm 1968. Cư trú: ấp T, xã T, (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

7.5. Ông Ngô Văn N3, sinh năm 1963. Cư trú: khóm C, phường A, thành phố H (nay là phường T), tỉnh Đồng Tháp.

8. Người kháng cáo: Chị Ngô Thị Diễm N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N là nguyên đơn.

Ông X, ông Đ, ông H, ông Ngô Văn H3, ông N2 có mặt tại phiên tòa. Các đương sự, người làm chứng còn lại vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Chị Ngô Thị Diễm N1 là người đại diện theo pháp luật cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hoàng N do bà Nguyễn Thị Bé T7 đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Bà là mẹ ruột của chị Ngô Thị Diễm N1, bà và ông Ngô Hoàng N đã ly hôn vào ngày 26/3/2002 và chỉ có một người con ruột là chị Diễm N1, cha ruột ông N là ông Ngô Văn C1 (chết ngày 10/7/2013) và mẹ ruột là bà Đặng Thị Q1 (chết ngày 27/9/1977), ông C1 và bà Q1 có tổng cộng 07 người con gồm:

1. Ngô Hoàng N (đã chết ngày 26/7/2024);

2. Ngô Thị L (đã chết, chết trước khi chị Diễm N1 khởi kiện), chồng là ông Lê Thanh H, con là anh Lê Thanh H1, anh Lê Văn H5 (đã chết, có vợ chị Trần Thị T, không biết con tên gì), Lê Thị H12, Lê Văn H6 và Lê Thị H7. Bà không biết địa chỉ cụ thể và năm sinh của những người con bà L.

3. Ngô Thị C (đã chết, chết trước khi chị Diễm N1 khởi kiện) có chồng là ông Nguyễn Văn B, con là chị Nguyễn Thị Ngọc M, anh Nguyễn Minh P, chị Nguyễn Thị Kim T2, anh Nguyễn Minh T3, Nguyễn Thị N4, Nguyễn Thị H8. Bà chỉ biết chị H8 ở chung nhà với ông B, nhà anh P thì ở đối với diện ông B, cặp vách nhà bà H2, những người con còn lại của bà C thì bà không biết địa chỉ cụ thể cũng như năm sinh.

4. Ông Ngô Văn C2 (đã chết, chết trước khi chị Diễm N1 khởi kiện) có vợ là Dương Thị M1, con là Ngô Văn H9, Ngô Văn T8, Ngô Thị D1, bà không biết địa chỉ cụ thể và năm sinh của những người con ông C2.

5. Ngô Anh D.

6. Ngô Kim H2.

7. Ngô Kim P1.

Ông N phát bệnh tâm thần vào năm 1979, điều trị hết bệnh đến năm 1980 thì kết hôn với bà, bà sống với ông N đến năm 2002 thì ly hôn, lý do ly hôn do ông N bị bệnh tâm thần, bà cần vay tiền để làm ăn, vì ông N bệnh nên không làm được thủ tục. Bà không sống chung với ông N từ năm 1996, đến năm 2002 thì bà mới ly hôn với ông N tại Tòa án, sau khi ly hôn thì bà và chị Diễm N1 sống ở Thành phố H, còn ông N sống với ông C1 ở tại căn nhà hiện nay, thuộc ấp T, xã T, huyện H. Trong quá trình chung sống cũng như sau khi ly hôn thì khi ông N phát bệnh, bà có đưa ông N đi điều trị tại bệnh viện B4, bệnh viện Đ2, bà còn giữ sổ khám bệnh, việc điều trị bệnh chỉ bớt, chứ không khỏi hẳn. Một ngày chị Diễm N1 đưa cho ông N 20.000đ, nấu cơm cho ông N ăn riêng, có cho gạo khi nào ông N đói tự nấu ăn, tiền nước cô T không biết họ tên, ở cặp vách nhà ông N cho xài, không lấy tiền, tiền điện chị Diễm N1 trả trực tiếp, mỗi tháng tiền điện khoảng vài chục ngàn. Trung bình mỗi tháng chị Diễm N1 chi cho ông N 600.000đ, không bao gồm tiền ăn, tiền gạo, tiền điều trị bệnh.

Khi ông C1 còn sống cũng như sau khi chết, kể cả khi bà và ông N ly hôn thì chị Diễm N1 và bà đều chăm sóc, nuôi dưỡng ông N. Anh em con cháu ông N không ai chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ông C1 còn sống cũng không lo hay ra tiền lo cho ông N, chỉ cho ăn cơm, lúc đó vợ chồng bà được ông C1 cho 8.770m<sup>2</sup> đất ruộng, bà ly hôn với ông N nên để đất lại cho ông C1 canh tác lo cho ông N, còn bà lo cho chị Diễm N1 nhưng mỗi lần ông N nằm viện thì tất cả chi phí đều do bà và chị Diễm N1 lo. Vào năm 2015 thì bà đã khởi kiện bà L, ông H đòi lại 08 công đất được ông C1 cho, kết quả thì bà được chia ½ giá trị đất, còn đất là bà L, ông H được sở hữu.

Vào ngày 18/5/2013 ông C1 có viết di chúc để lại 01 công đất ruộng tầm cắt tương đương phần đất có chiều ngang 25,9m x dài 50m = 1.296m<sup>2</sup> không biết số thửa đất, tờ bản đồ, theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích bao nhiêu, chỉ biết đất sau hè nhà ông D, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, do họ ông Ngô Anh D đứng tên quyền sử dụng đất. Mục đích ông C1 để lại 1.296m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp là để lại cho chị Diễm N1 làm, nuôi dưỡng ông N, không phải để lại cho ông N, lúc đó ông C1 có kêu chị Diễm N1, bà chỉ đất được cho nhưng bà không có chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp Tòa án tiến hành đo đạc là phần đất trong di chúc ông C1 để lại cho chị Diễm N1, những người con khác như bà L, ông D, bà C, ông C2, bà P1, bà H2 biết việc cho đất chị Diễm N1. Ngoài ra, không có người nào khác biết, bà không có trực tiếp thấy ông C1 viết di chúc, sau này không nhớ ngày tháng năm, chỉ biết sau vài ngày ông C1 viết di chúc, mẹ chồng tên Phan Thị S (không biết chết năm

nào) bà thường gọi bằng bà B1 (vợ thứ hai của ông C1) đem tờ di chúc xuống nhà đưa cho bà, chỉ đưa cho bà bản photo, còn bản gốc thì ông D quản lý. Bà B1 đưa cho bà tờ di chúc, để chị Diễm N1 và bà kiện lấy 01 công đất nuôi ông N, nếu ông D không trả đất. Lúc bà B1 đưa tờ di chúc thì bà có đọc, không có thắc mắc gì. Sau khi làm di chúc vài tháng sau ông C1 chết, lúc đó bà B1 còn sống, sau khi ông C1 chết bà và chị D2 Như không kiện đòi chia đất theo di chúc, vì lúc đó bà C, ông C2 còn sống, bà C, ông C2 rất thân với chị Diễm N1 nên nói không sao, không mất phần. Thời điểm ông C1 lập di chúc chia cho chị Diễm N1 01 công đất thì đất ông D quản lý, canh tác, ông D không có đưa tiền cho chị Diễm N1 để nuôi ông N, gạo cũng không cho.

Nội dung di chúc *“thống nhất cho con tôi Ngô Hoàng N (hiện bệnh tâm thần) để cho các cháu có điều kiện nuôi dưỡng và phụng dưỡng về sau, tôi thống nhất cho 1 công (một công tầm cắt), để cho cháu nuôi và phụng dưỡng sau này”*, nghĩa là để đất lại cho chị Diễm N1 làm nuôi ông N. Người viết di chúc là ông Ngô Văn H3, có 6 người con ông C1 ký tên, người làm chứng Ngô Văn N2, Ngô Văn N3, Ngô Văn H3, Ngô Văn T6. Nội dung tờ di chúc không ghi rõ tên chị Diễm N1 là do nếu ông C1 ghi tên chị Diễm N1 thì các con của ông C1 như bà L, bà C, ông D, ông C2, bà H2, bà P1 không đồng ý ký tên vào tờ di chúc.

Phần đất có diện tích 1.296m<sup>2</sup> của ông C1 cho chị Diễm N1 phía trước giáp đất ông T8 sau này bán cho con ông D, không biết tên, các cạnh còn lại giáp đất ông D. Trước khi chị Diễm N1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, thì chị N1 từng khởi kiện ông D đòi ông D chia theo di chúc nhưng do bà không chỉ được đất, để Tòa án thẩm định, do không nhớ, chỉ nhằm đất nên đã rút đơn và khởi kiện lại, xác định phần đất hiện nay.

Tiền trợ cấp của ông N có khi nào không nhớ, lúc đó ông C1 còn sống thì ông C1 lãnh, mỗi tháng được bao nhiêu tiền không biết, bà là người làm thủ tục cho ông N được hưởng trợ cấp xã hội (lúc đó bà và ông N đã ly hôn), bà thống nhất để lại cho ông C1 nhận để lo cho ông N, sau khi ông C1 chết thì bà H2 tiếp tục nhận tiền trợ cấp của ông N, bà H2 nhận tiền từ năm 2013, không biết được bao nhiêu tiền, chỉ biết từ năm 2021 thì mỗi tháng ông N được nhận 720.000đ. Khi biết bà H2 nhận tiền thì bà, chị D2 Như không có khiếu nại, sau đó cán bộ Phòng lao động và Thương B2 xã hội huyện nói với bà là chị Diễm N1 nhận mới đúng, bà về Ủy ban xã T, gặp cán bộ tên T9 nói từ trước đến giờ bà H2 nhận, nếu chị N1 muốn nhận tiền thì tranh chấp ra Tòa.

Những người dân xung quanh, không trình bày được họ tên biết chị Diễm N1 là người chăm sóc ông N nhưng họ không chịu làm chứng, những lúc chị D2 Như không đem đồ ăn đến cho ông N thì nhờ người chạy xe ôm tên Nguyễn Văn T10, số điện thoại 0986.811.734 không rõ địa chỉ cụ thể giao đồ ăn và bà Đ1

không biết họ tên đầy đủ, số điện thoại, hiện bà Đ1 thiếu nợ bỏ trốn, không biết ở đâu, biết chị Diễm N1 và bà chăm sóc, nuôi dưỡng ông N, khi ông N chết thì vợ chồng chị Diễm N1 là người lo việc chôn cất, đám tang ông N.

Nền nhà đang tranh chấp là của ông C1 được Nhà nước cấp, ông C1 cho ông N, vì ông N sống cùng ông C1, việc ông C1 nói cho nền nhà ông N thì bà không có gì chứng minh, lúc còn sống ông C1 nói “ông N cứ ở, không ai đuổi”, không biết việc ông D được cấp quyền sử dụng đất khi nào, sau khi ông C1 chết thì chị Diễm N1 có đến Ủy ban xã để đăng ký quyền sử dụng đất đối với nền nhà đang tranh chấp thì xã nói đã cấp cho ông D rồi nên mới khởi kiện tranh chấp cho đến nay.

Nay chị Ngô Thị Diễm N1 là người giám hộ cũng là người thừa kế của ông N yêu cầu ông Ngô Anh D chia thừa kế theo tờ di chúc ngày 18/5/2013 dl của ông Ngô Văn C1 cho chị Diễm N1 phần đất có diện tích 1.296m<sup>2</sup>, không biết theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích cụ thể bao nhiêu, trong phạm vi các mốc nào, thuộc thửa đất, tờ bản đồ số mấy, đất tọa lạc tại phía sau nhà ông D, bà không thống nhất nhận giá trị đất. Đối với yêu cầu ông Ngô Anh D trả lại phần đất nền nhà có diện tích 129,2m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 17, tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông D đứng tên quyền sử dụng đất thì bà đại diện chị Diễm N1 rút lại yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu bà Ngô Kim H2 trả lại sổ lãnh tiền trợ cấp bảo trợ xã hội của ông Ngô Hoàng N nhưng chị N1 đã làm đơn rút lại yêu cầu này. Ngoài ra, không tranh chấp hay yêu cầu nào khác.

**- Ông Trần Văn Đ đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Anh D trình bày:** Khi còn sống ông C1 đã chia đất cho các con, còn lại phần đất có diện tích 5201m<sup>2</sup> trong đó có 300m<sup>2</sup> đất nền nhà, 4901m<sup>2</sup> đất trồng lúa thì ông C1 để lại cho ông D quản lý, sử dụng. Ông C1 có rất nhiều đất, không rõ diện tích bao nhiêu, thuộc thửa đất, tờ bản đồ số mấy. Phần đất Tòa án tiến hành đo đạc cũng như phần đất trong sơ đồ đo đạc có diện tích 1294,3m<sup>2</sup> thì không phải đất ông C1 để lại trong di chúc, ông D thừa nhận ông C1 có để lại 01 công đất tầm cắt, nhưng không nói vị trí đất chỗ nào, vì ông N bị bệnh tâm thần để lại cho con cháu ai chăm sóc, nuôi dưỡng ông N thì người đó canh tác, không phải để lại cho chị Diễm N1, vì lúc đó bà Bé T7 đã ly hôn với ông N và không có đến chăm sóc, qua lại với gia đình ông C1. Theo Tờ di chúc viết chung chung, không biết đất tọa lạc ở đâu, ông N không sử dụng đất, trong tờ di chúc có nói để lại 4 công cho ông D làm thờ ông bà. Đất nói cho Hoàng N nhưng nhắc con cháu chứ không phải vợ hay con ông N. Năm 2013 viết Tờ di chúc nhưng năm 2005 ông D được đứng tên quyền sử dụng đất rồi thì đất ông C1 ở đâu. Ông D được cấp quyền sử dụng đất thì Nhà nước phải bảo vệ cho ông D. Năm 2002 Nhà nước đưa dân vào cụm dân cư, phải có 04 điều kiện mới được cấp nền: Diện tái định cư, có hộ khẩu địa phương, có người kế thừa trong hộ khẩu, người sạt lở phải di

dời nên nói đúng ra là ông C1 chỉ đại diện cho hộ được cấp nền thôi, ông D được Nhà nước giao nền nhà, Quyết định giao nền nhà là ghi tên hộ ông D, ông D được cấp giấy chứng nhận năm 2017. Nền nhà không phải là của ông C1 hay ông N mà là của ông D. Ông D không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Diễm N1 về việc yêu cầu ông D chia thừa kế, phần đất đang tranh chấp, cũng không đồng ý chia  $\frac{1}{2}$  giá trị đất cho chị Diễm N1. Vì khi ông N phát bệnh, bà Bé T7 đã ly hôn, ông N do cha và anh chị em chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Diễm N1 và bà Bé T7 không có tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng, chỉ có khi khởi kiện ông D mới đem đồ ăn đến thăm ông N.

- **Ông Ngô Anh D trình bày:** Nguồn gốc đất là ông bà ông để lại cho cha mẹ là Ngô Văn C1, theo di chúc ngày 18/5/2013 cho ông Ngô Hoàng N (bị bệnh tâm thần), riêng một công đất mà cha ông nói để lại cho các cháu nuôi dưỡng khi anh em ông lớn tuổi không lao động được nữa thì tiếp tục làm để lo, chăm sóc cho ông N và trên thực tế thì phần đất này ông quản lý, sử dụng từ trước lúc cha ông còn sống cho đến nay. Ngoài việc chăm lo cho ông N, ông còn phải nuôi dưỡng cha già bệnh trước khi chết.

Gia đình ông gồm có 07 anh chị em gồm Ngô Hoàng N, Ngô Thị L (chết năm 2022), Ngô Thị C (chết năm 2021), Ngô Văn C2 (chết năm 2022), Ngô Anh D và Ngô Kim H2, Ngô Kim P1. Trong đó, ông Ngô Hoàng N là con lớn và có vợ là bà Nguyễn Thị Bé T7 ngụ tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, có một người con là Ngô Thị Diễm N1, sinh năm 1994, từ đó đến nay vợ và con ông N không có liên lạc, qua lại với gia đình ông. Sau khi ly hôn ông N bỏ sang Thái Lan làm ăn nhưng bị bắt giam và lấy hết tài sản mang theo để làm ăn, đến năm 1999 thì được thả, trả về và chung sống với gia đình ông nhưng không đủ sức khỏe lao động, đến năm 2000 thì ông N phát bệnh tâm thần, gia đình ông cũng đưa đi điều trị nhiều lần, khi bớt bệnh thì trở về nhà ông. Năm 2004 thì cha ông là ông Ngô Văn C1 sinh năm 1925 (chết năm 2013) tách ra ở riêng, ông N cũng ra ở chung với ông C1, do ông N bị bệnh tâm thần nên cất thêm một cái nhà ở phía sau để ông C1 ở, gia đình ông nuôi ông C1 cùng ông N từ đó đến bây giờ. Năm 2013 ông C1 mất, ông N vẫn ở chỗ cũ (nhà trước), ông cung cấp đồ ăn thức uống, tiền xài, thuốc men...từ lúc ông N từ Thái Lan về tới giờ. Năm 2016 thì nhà trước mục ông gom lại sửa thành một cái nhà nhỏ để ông N ở cho đến nay nhưng vẫn không thấy vợ con của ông N tới lui nuôi ngày nào hết, do anh chị em và cháu ruột ông ở T chăm sóc, nuôi dưỡng, có sự chứng kiến của người dân sống gần nhà ông N ở từ đó đến giờ vợ và con ông N không có tới lui. Ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chị Diễm N1, phần đất ông C1 để lại trong di chúc thì ông không biết nằm vị trí nào, cũng không phải diện tích đất Tòa án tiến hành đo đạc. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

- **Bà Nguyễn Kim H10 trình bày:** Bà là em ruột của ông Ngô Anh D và ông Ngô Hoàng N. Cha bà là ông Ngô Văn C1 (chết năm 2013), mẹ Đặng Thị

Q1 (chết năm 1977), cha mẹ có tổng cộng 07 người con, gồm 1/ Ngô Hoàng N hiện đang bị bệnh tâm thần, có con gái ruột Ngô Thị Diễm N1; 2/ Ngô Thị L (đã chết năm 2022 có chồng ông Lê Thanh H, con là Lê Thanh H1, Lê Thanh H11, Lê Thị Thúy H12, Lê Thanh H13, Lê Thị H7, Lê Thanh H14 (đã chết, không nhớ năm, có vợ Trần Thị T, con là Lê Thị Anh T1); 3/ Ngô Thị C (đã chết năm 2020, có chồng Nguyễn Văn B, con là Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị T11, Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Minh T3); 4/ Ngô Văn C2 (đã chết khoảng năm 2021-2022, có vợ Dương Thị M1, con là Ngô Minh H15, Ngô Minh T12, Ngô Thị D1); 5/ Ngô Anh D; 6/ Ngô Kim H2; 7/ Ngô Kim P1. Địa chỉ cụ thể, năm sinh của chồng, con, vợ của ông C2, bà L, bà C thì bà không biết. Khi cha mẹ còn sống đã cho, chia đất cho tất cả 07 anh chị em của bà xong, anh em bà đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Trong đó, có ông Ngô Hoàng N được cha mẹ bà cho hơn 08 công đất ruộng, lúc đó ông N chưa bị bệnh tâm thần và chưa ly hôn với bà Bé T7, đến năm 1996 thì ông N phát bệnh, bà Bé T7 ly hôn với ông N tại Tòa án huyện H, lúc bà B3 T7 ly hôn với anh N bà biết chỉ giải quyết con chung, hôn nhân, không có nói gì đến nợ nần và tài sản, chỉ biết khi vợ chồng ông N còn sống chung thì đất vợ chồng bà Bé T7, ông N đã có hết cho bà L và ông H, sau đó ông N bán (chuyển nhượng) toàn bộ hơn 08 công đất cho vợ chồng bà L, sau khi bà B3 T7 ly hôn với ông N, thì bà T7 khởi kiện tranh chấp với ông H, bà L, kết quả giải quyết đất cổ, bán cho vợ chồng bà L thì chia làm 02, nghĩa là vợ chồng bà L chia, trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Bé T7.

Sau khi ly hôn, thì bà Bé T7 lấy chồng khác, còn ông N sống chung với cha ruột là ông Ngô Văn C1 từ năm 1996 đến năm 2013 khi cha bà chết, ông N được ông D cất nhà cho ở riêng. Khi cha bà còn sống có làm tờ di chúc, không nhớ ngày tháng năm, chỉ biết có nội dung để lại 01 công đất ruộng, nhưng không biết số thửa đất, tờ bản đồ, không có nói cụ thể đất để lại cho một người nào, chỉ nói là đất để lại cho ai nuôi ông Hoàng N thì người đó được làm đất, được sử dụng canh tác. Tờ di chúc không có công chứng chứng thực, chỉ có anh em trong gia đình biết, từ năm 1996 bà Bé T7 ly hôn với anh N, thì con chung Diễm N1 sống với bà Bé T7, khi ông N bệnh thì anh em của bà chăm sóc, hiện ông N đang sống một mình, chi phí ăn uống, tiền điện, tiền nước...thì do bà lo, gạo thì ông D lo, bà P1 thì cho cá, đồ ăn khi có. Bà Bé T7, chị D2 Như không có đến chăm sóc, nuôi dưỡng ông N, cũng không có gởi tiền. Ngoài ra, ông N có hưởng trợ cấp xã hội, hiện tại được lãnh mỗi tháng 720.000 đồng, bà là người trực tiếp lãnh tiền và lo cho ông N. Cách nay hơn 01 tháng, không nhớ ngày thì ông N bệnh, bà điện cho chị Diễm N1 lên chăm sóc, đưa ông N đi bệnh viện nhưng chị D2 Như không lên chăm sóc ông N.

Việc chị Diễm N1 yêu cầu ông Ngô Anh D chia thừa kế theo tờ di chúc ngày 18/5/2013 dl của ông Ngô Văn C1 cho ông N phần đất có diện tích

1.296m<sup>2</sup> thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp thì bà không đồng ý, vì không hợp tình, hợp lý, tờ di chúc của cha bà là để lại cho người nuôi dưỡng ông N nhưng chị Diễm N1, bà Bé T7 không có chăm sóc, lo lắng cũng như nuôi dưỡng ông N, chỉ có anh chị em bà chăm sóc nuôi dưỡng nhưng bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì như công sức, chi phí nuôi dưỡng ông N và 01 công đất của cha bà để lại. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

- **Bà Ngô Kim P1 trình bày:** Bà là em ruột của ông Ngô Hoàng N, lúc cha bà còn sống có làm di chúc để lại 01 công đất, không nói vị trí ở đâu, để lại cho người con cháu nào nuôi dưỡng, chăm sóc ông N, vì ông N bị bệnh, nếu sau này ông N chết thì dùng làm nơi thờ cúng ông N. Chị Diễm N1 và bà Bé T7 không chăm sóc ông N, chỉ khi nào làm đơn kiện ông D đòi lại 1000m<sup>2</sup> đất mới tới lui, thỉnh thoảng cho tiền ông N một ít. Việc chăm sóc, cơm nước cho ông N là do bà và bà H2 làm, ông D chỉ cho gạo. Phần đất 1000m<sup>2</sup> cha bà để lại là do ông D canh tác đất. Đối với phần đất bà Bé T7 kiện ông D thì bà không có tranh chấp hay yêu cầu chia thừa kế. Bà cũng không yêu cầu chi trả chi phí nuôi dưỡng ông N. Còn các con bà C, bà L thì bà không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Ông N hiện đang sống 01 mình tự chăm sóc cho mình được, sống gần nhà bà.

- **Ông Lê Thanh H trình bày:** Ông là chồng của bà Ngô Thị L, ông và bà L có tổng 06 người con gồm Lê Thanh H1, Lê Thanh H11 (không rõ địa chỉ cụ thể), Lê Thị Thúy H12 (không rõ địa chỉ cụ thể), Lê Thanh H13 (không rõ địa chỉ cụ thể), Lê Thị H7 (không rõ địa chỉ cụ thể), Lê Thanh H14 đã chết có vợ là Trần Thị T, con là Lê Thị Anh T1 còn lại cùng địa chỉ với ông. Trước đây giữa ông và bà Bé T7, chị N1 có tranh chấp đất khoảng 08 công ở xã T B. Khi ông C1 còn sống đã chia đất cho các con xong, mỗi người khoảng 06 công tầm cắt còn ông N trang trải thêm nên được 08 công. Phần đất sau hè mà bà Bé T7, ông D đang tranh chấp có nguồn gốc của cha vợ là ông Ngô Văn C1, khi còn sống ông C1 ở chung nhà với ông D. Theo ông C1 có làm di chúc nội dung để lại 01 công đất cho ông N nhưng không nói để lại 01 công đất ở đâu, cha vợ cũng không chỉ đất ở đâu, khi ông C1 làm di chúc vào năm 2013 thì ông không có mặt, làm xong phô tô cho mỗi người 01 tờ nên ông biết, nhưng không nói vị trí đất, ông C1 có đất nhiều nơi (T, T B cũ). Ông N và bà Bé T7 ly hôn nhau từ năm 1994, cha vợ khi còn sống có nói với ông, do ông N tâm thần nên để lại 01 công đất để ai nuôi ông N thì quản lý, sử dụng hoặc khi ông N chết bán 01 công đất để làm chi phí mồ mã cho ông N. Vì không nói vị trí đất nên không xác định có phải đất sau hè nhà ông D hay không. Ông N bị bệnh nhưng vẫn tự nấu ăn được, còn điện nước là bà H2 đóng, ông N được nhận trợ cấp xã hội do bà H16 giữ tiền nên trả điện nước cho ông N, hàng tháng được lãnh khoảng 500.000đ, còn ông D làm 01 công đất nhưng thỉnh thoảng mới cho ông N gạo ăn, còn bà Bé T7, chị N1 thì từ lúc thừa kiện ở Tòa án thì thỉnh thoảng có ghé thăm ông N

nhưng không biết có cho tiền ông N không, 01 công đất trong di chúc của ông C1 để lại cho ông N và 01 công đất bà B3 T7 đang kiện ông D thì ông và các con ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì hết, vì ai có phần nấy. Theo ý ông, tâm nguyện của cha vợ theo tờ di chúc năm 2013 là cha vợ ông cho 01 công đất cho con cháu nhưng không nói cụ thể ai, để nuôi ông N thì được quản lý, sử dụng lấy hoa lợi, lợi tức nuôi ông N, chứ ông N bị tâm thần làm sao canh tác đất được. Tại phiên tòa ông Lê Thanh H, trình bày: Y như lời ông Đ nói, ông C1 để 01 công đất cho ông N để lo than thuốc cho ông N, còn nền nhà là Nhà nước cấp cho ông C1, vì lũ lụt, ông N ở với cha nên được ở tại nền nhà, hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D.

- **Ông Nguyễn Văn B trình bày:** Ông là chồng bà C, vợ chồng ông có 05 người con gồm Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị T11, Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Minh T3. Ông có nghe lời khai của ông H, ông thống nhất theo lời trình bày của ông H. Theo ông tinh thần tờ di chúc của cha vợ ông là để lại đất cho con cháu nhưng không nói tên ai, để ai nuôi dưỡng ông N thì được quản lý, sử dụng, do ông N bị bệnh tâm thần hoặc sau này ông N chết thì bán 01 công đất để lo mồ mã cho ông N, nhưng cha vợ ông không nói vị trí đất ở đâu, còn 01 công đất sau hè nhà ông D thì ông D canh tác đất mười mấy năm nay. Ông N bị bệnh gia đình cũng đưa đi bệnh viện điều trị, ông N cũng không có quậy phá, chỉ có tinh thần không ổn định, hằng ngày bà H2 cho 30.000đ để ông N ăn uống, hút thuốc, còn mua đồ lặt vặt thì bà H2 mua. Trước Tết năm 2023 ông N có bệnh nằm viện nhưng gia đình ông D không nuôi dưỡng, cũng không biết ai nuôi. Ông và các con ông không có thừa kiện hay tranh chấp gì phần đất tranh chấp, cũng không tranh chấp 01 công đất mà ông C1 để lại theo Tờ di chúc.

- **Bà Đinh Thị Bé T4 trình bày:** Bà không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án, sau khi ly hôn thì bà B3 T7 và chị D2 Như không có ngó ngàng gì tới ông N, gia đình bà là người trực tiếp nuôi dưỡng ông N. Đất tranh chấp là của ba để lại cho vợ chồng bà, lúc đó có hợp mặt con cháu, nói ai nuôi anh hai không, không ai nuôi nên từ đó tới giờ ông N bệnh gia đình bà nuôi. Tờ di chúc là do ông C1 sợ ông N già yếu nên vợ chồng bà làm nuôi ông N, còn bà Bé T7 không nuôi ông N ngày nào. Nền nhà cũng là ông C1 cho vợ chồng bà. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

- **Ông Nguyễn Văn T5 là người làm chứng trình bày:** Ông là chồng bà Ngô Kim H2, ông kêu ông N, ông D là anh vợ. Khi cha vợ Ngô Văn C1 còn sống đã chia đất cho các con xong, gồm Ngô Thị L, Ngô Văn C2, Ngô Thị C, Ngô Anh D mỗi người sáu công rưỡi, riêng ông Ngô Hoàng N là chồng bà Bé T7 được 08 công. Sau khi được cho đất các anh em ông làm giấy đỏ, còn ông N đã bán hết 08 công đất rồi. Sau hè nhà ông D còn khoảng 03 công đất để thờ cúng ông, bà do ông D quản lý, sử dụng cũng là đất cha mẹ vợ để lại. Ông N bị

bệnh mấy chục năm nay bà Bé T7 không chăm sóc, nuôi dưỡng chỉ có ông, ông D chăm sóc, nghe nói bà Bé T7 đã có chồng khác. Diện tích khoảng 01 công đất đang tranh chấp không có việc ông C1 làm di chúc cho ông N, vì khi ông C1 còn sống ông D đã được cha vợ ông cho canh tác đất tranh chấp để thờ cúng ông bà, khoảng mười mấy năm nay. Phần đất bà Bé T7 đang tranh chấp với ông D thì vợ chồng ông không tranh chấp hay yêu cầu gì hết, vì ai có phần nấy hết rồi, đất tranh chấp là của ông D, khi cha vợ ông còn sống đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau này thì ông D được đứng tên. Ông N, bà Bé T7, chị D2 Như không có tới lui gì đất tranh chấp, chị Diễm N1 cũng không chăm sóc nuôi dưỡng ông N. Ông N bị bệnh tâm thần nhưng vẫn nấu ăn được, điện nước thì do ông và ông D thay phiên đóng.

- **Ông Ngô Văn H3 là người làm chứng trình bày:** Nguyên trước đây ông Ngô Văn C1 là chú ruột ông do tuổi cao, sức yếu nên vào ngày 18/5/2013 ông C1 có nhờ ông viết di chúc. Nội dung: Ông Ngô Văn C1 có ý muốn để lại tài sản cho vợ, con, cháu trước khi qua đời. Theo nội dung trong tờ di chúc thì chú Bảy Ngô Văn C1 nói là do có một người con tên Ngô Hoàng N bị bệnh tâm thần và sống trên căn nhà do ông và Ngô Anh D cất để Hoàng N sinh sống hàng ngày, do em út, con cháu chăm sóc nuôi dưỡng, nghĩa là lúc ấy chú B1 nói để cho cháu là con của ông Ngô Anh D hoặc Ngô Thị L, Ngô Thị C, Ngô Kim P1 ở gần gũi chăm lo cho Ngô Hoàng N, chứ không có nói để cho con hoặc vợ Ngô Hoàng N, vì thời điểm này vợ chồng Ngô Hoàng N đã ly hôn từ trước lâu rồi (việc cho 01 công đất để cháu thờ cúng phụng dưỡng làm giỗ hàng năm không được bán), bà Bé T7 hay chị D2 Như không có dính líu gì đến nội dung di chúc, đất để lại không nói nằm ở đâu. Tại phiên tòa ông H3, trình bày: Trước đây năm 2013 thì ông C1 kêu ông viết Tờ di chúc, trong di chúc có nói rõ ông N bị tâm thần không có khả năng lao động, sợ sau này ông N chết không ai thờ cúng, ông C1 chia đất cho con hết, cho thêm 01 công đất, không nói nằm ở vị trí nào, để con cháu làm đất để nuôi, cúng quải cho ông N, chứ không phải cho vợ con để bán đất. Lúc ông C1 nhờ ông viết di chúc với ý nguyện là để lại 01 công đất ai nuôi, thờ cúng thì được làm, không phải để lại cho ông N, vì ông N bệnh tâm thần sao làm được đất, nghĩa là cho ông N 01 công đất với điều kiện ai nuôi dưỡng thì người đó được làm, còn phần đất tranh chấp chị N1 yêu cầu thì ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi, ông D nuôi ông N thì làm đất. Còn nền nhà là do lũ lụt nên ông C1 ra phần đất tranh chấp cất nhà ở, nên xét cấp một nền nhà, muốn được xét nền nhà thì phải có các điều kiện: Có hộ khẩu ở T, nhà nằm trong luồng bị di dời, có người thừa kế hợp pháp để thực hiện nghĩa vụ tài chính,... cấp cho hộ khẩu ông C1 còn ông D đóng tiền nền nhà, còn ông N tâm thần ai đâu xét cho ông N, ông N tâm thần nên cho cất nhà ở tạm đó, ông N chết không lẽ đất thuộc về ông N, ông N không dính vô đó.

- **Tại phiên tòa người làm chứng ông Ngô Văn N2 trình bày:** Ông C1 có làm di chúc, nội dung để cho đàn con cháu ai làm thì nuôi ông N, không ai làm thì ông D làm nuôi ông N. Bà Bé T7 ly hôn với ông N mấy chục năm, di chúc không nói gì đến con và vợ ông N.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ngô Thị Diễm N1 trình bày và tranh luận:* Nguồn gốc đất là ông C1 trước khi chết viết di chúc để lại cho ông N, diện tích 01 công đất tầm cắt để lo an dưỡng cho ông N, kể từ khi ông C1 chết đến nay ông D không chia đất cho ông N. Ngày 09/12/2021 chị N1 yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T hòa giải về Tờ di chúc của ông C1 để lại, tại buổi hòa giải ngày 05/12/2022 ông D không công nhận Tờ di chúc ông C1 để lại. Nay chị N1 yêu cầu ông D chia di sản thừa kế theo di chúc cho ông Ngô Hoàng N là 01 công tầm cắt (diện tích 1.296m<sup>2</sup>), còn nguồn gốc căn nhà là ông N cất nhà thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nguồn gốc đất là ông N cất ở tuyến dân cư vì không có đất cất nhà, vì ông N bị bệnh tâm thần, tàn tật nên chính quyền địa phương xét cho ông N 01 nền nhà, do ông N mất năng lực hành vi dân sự nên ông C1 là người làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C1 là người giám hộ đương nhiên cho ông N. Ông D tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được đứng tên quyền sử dụng đất, chị Như K hay biết, ông D tự ý tháo dỡ căn nhà ông N đang ở, chỉ để lại căn chòi phía sau, thấy ông N ở nhà dột nát nên chị N1 làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã T xin từ thiện sửa chữa nhà cho ông N nhưng ông D đứng ra ngăn cản.

Trong Tờ di chúc ghi rất rõ là “thống nhất cho con trai tôi Ngô Hoàng N bị bệnh tâm thần để cho cháu có điều kiện nuôi dưỡng, phụng dưỡng về sau, tôi thống nhất cho 01 công tầm cắt để con cháu phụng dưỡng sau này”, ông D cho rằng 01 công đất này cho con cháu nuôi dưỡng ông N thì được hưởng và ông D là người nuôi ông N nên ông được hưởng nhưng ông D không chứng minh được ông D nuôi ông N. Ông N chết thì chị N1 là người thừa kế. Ông D phải chỉ vị trí 01 công đất cho chị N1 nếu chị N1 nhận đất mà không nuôi dưỡng ông N thì ông D có quyền yêu cầu Tòa án hủy Tờ di chúc và xác nhận người nuôi dưỡng ông N được hưởng 01 công đất nêu trên. Nhưng ông D không yêu cầu hủy Tờ di chúc, khi hòa giải ở xã ông D không thừa nhận sự tồn tại của Tờ di chúc, tới khi kiện ở Tòa án các anh em đều thừa nhận thì ông D cho rằng ông nuôi dưỡng ông N nên hưởng đất, không đồng ý trả lại cho chị Diễm N1 là điều vô lý. Thực tế di chúc ghi rõ ràng “thống nhất cho con trai tôi Ngô Hoàng N bị bệnh tâm thần, để cho con cháu có điều kiện nuôi dưỡng, phụng dưỡng sau này”. “Con cháu” ở đây là chị Ngô Thị Diễm N1. Tờ di chúc ghi rõ cho con trai Ngô Hoàng N, phần sau nói con cháu ai nuôi dưỡng, thì phải nói rõ ai nuôi nhưng Tờ di chúc không nói rõ ai, người nuôi dưỡng ông N là bà Bé T7 và chị N1. Còn đất ông D đứng tên để ông D vay Ngân hàng cho dễ. Bà Bé T7 chứng minh bà là người nuôi ông

N bằng cách gửi 08 công đất để ông C1 cho thuê để nuôi ông N. Sau khi ly hôn, ông C1 bệnh thì bà Bé T7 mới kiện vợ chồng ông H yêu cầu đòi lại đất. Chị Diễm N1 là người chăm sóc, khi ông N bệnh thì chị N1 là người đưa ông N đi bệnh viện, lo chi phí mồ mã cho ông N, trong luật dân sự quy định Diễm N1 là người giám hộ đương nhiên. Tiền trợ cấp hàng tháng của ông N thì các em ông N lấy xài không trả, tới khi kiện thì mới trả lại Sở trợ cấp. Còn về phần đất nền nhà thì ông đề nghị Bé T7 rút đơn kiện bổ sung để khởi kiện trong vụ án khác tại Tòa án Tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền. Ông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 646 Bộ luật Dân sự, căn cứ Tờ di chúc, tuyên bố ông Ngô Hoàng N là người thừa kế hợp pháp 01 công đất theo di chúc của ông C1, buộc ông D trả lại đất theo nội dung di chúc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Hoàng N do chị Ngô Thị Diễm N1 là người đại diện theo pháp luật cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hoàng N, về việc yêu cầu ông Ngô Anh D chia thừa kế theo tờ di chúc ngày 18/5/2013 dl của ông Ngô Văn C1 cho ông N phần đất có diện tích 1.296m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 1294,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M2, M3, M7, M8 trở về mốc M2 thuộc một phần thửa 1209, 294 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông D đứng tên quyền sử dụng đất.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 14/3/2023 và sơ đồ xác định diện tích thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu bà Ngô Kim H2 trả lại sổ lãnh tiền trợ cấp bảo trợ xã hội của ông Ngô Hoàng N và yêu cầu ông Ngô Hoàng N trả lại phần đất có diện tích 129,2m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/5/2025 chị Ngô Thị Diễm N1 là người đại diện theo pháp luật cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hoàng N là

nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Tuyên bố ông Ngô Hoàng N là người thừa kế hợp pháp của công đất theo di chúc của ông C1 và người thừa kế của ông N hiện nay là Ngô Thị Diễm N1.

- Buộc ông Ngô Anh D trả lại phần đất theo đúng nội dung di chúc (cụ thể ngang 25,9m x dài 50m, diện tích 1.294,3m<sup>2</sup>) thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, theo bản đồ đo vẽ ngày 14/3/2023 (bút lục 102) cho Ngô Thị Diễm N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn X là người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị Diễm N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Anh D không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Diễm N1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Diễm N1, sửa nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng

Ngự nay là Toà án nhân dân Khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Ngô Thị Diễm N1 là người đại diện theo pháp luật cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hoàng N là nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Chị Ngô Thị Diễm N1 là người đại diện theo pháp luật cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hoàng N là nguyên đơn yêu cầu tuyên bố ông Ngô Hoàng N là người thừa kế hợp pháp của công đất theo di chúc của ông C1 và người thừa kế của ông N hiện nay là Ngô Thị Diễm N1. Buộc ông Ngô Anh D trả lại phần đất theo đúng nội dung di chúc (cụ thể ngang 25,9m x dài 50m, diện tích 1.294,3m<sup>2</sup>) thuộc thửa số 294, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, theo bản đồ đo vẽ ngày 14/3/2023 (bút lục 102) cho Ngô Thị Diễm N1.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự đều thống nhất của ông Ngô Văn C1 để lại. Chị N1 cho rằng ông D cũng thừa nhận tờ di chúc ngày 18/5/20213 của ông Ngô Văn C1 là đúng nhưng ông D là người nuôi dưỡng ông N nên ông D được hưởng một công đất tranh chấp là không phù hợp. Căn cứ vào nội dung di chúc “*Thống nhất cho con trai tôi Ngô Hoàng N (hiện bệnh tâm thần) để cho các cháu có điều kiện nuôi dưỡng và phụng dưỡng về sau, tôi thống nhất cho 01 công (một công tầm cắt) để cho cháu nuôi và phụng dưỡng sau này*”, chị N1 căn cứ vào tờ di chúc ngày 18/5/2013 dl của ông Ngô Văn C1 cho ông N phần đất công tầm cắt nên chị N1 yêu cầu được hưởng 1 công đất theo di chúc có diện tích 1.296m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 1294,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M2, M3, M7, M8 trở về mốc M2 thuộc một phần thửa 1209, 294 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H. Tuy các đương sự đều thống nhất với nội dung di chúc. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 631 Bộ luật dân sự quy định nội dung di chúc

“ 1. Di chúc gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Ngày, tháng, năm lập di chúc;
- b) Họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc;

c) Họ, tên người, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản;

d) Di sản để lại và nơi có di sản”.

Căn cứ vào tờ di chúc không ghi rõ một công đất ông C1 cho ông N trong Tờ di chúc tọa lạc tại đâu, tứ cận giáp đất ai, tờ bản đồ, số thửa, vị trí nơi có đất.

Tại Điều 633 Bộ luật dân sự quy định Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng

*“Người lập di chúc phải tự viết và ký vào bản di chúc.*

*Việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 của Bộ luật này”.*

Tại Điều 634. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng

*“Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.*

*Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 của Bộ luật này”.*

Do đó Tờ di chúc ngày 18/5/2013, ông C1 chỉ ký tên còn nội dung không phải ông C1 viết, Di chúc cũng không có người làm chứng. Đối chiếu với các điều luật nêu trên xác định tờ di chúc ngày 18/5/2013 không đúng với quy định pháp luật. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Hoàng N do chị Ngô Thị Diễm N1 là người đại diện theo pháp luật cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hoàng N, về việc yêu cầu ông Ngô Anh D chia thừa kế theo tờ di chúc ngày 18/5/2013 dl của ông Ngô Văn C1 cho ông N phần đất có diện tích 1.296m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 1294,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M2, M3, M7, M8 trở về mốc M2 thuộc một phần thửa 1209, 294 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông D đứng tên quyền sử dụng đất là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

Do đó yêu cầu kháng cáo của chị N1 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Trường hợp chị N1 có thể khởi kiện về chia thừa kế theo pháp luật thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3]. Như nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp

luật nên giữ nguyên.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Diễm N1, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự nay là Toà án nhân dân Khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp là không phù hợp với quy định nên không chấp nhận như nhận định nêu trên.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị N1 không được chấp nhận nên chị N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T13 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị Diễm N1.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Hoàng N do chị Ngô Thị Diễm N1 là người đại diện theo pháp luật cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Hoàng N, về việc yêu cầu ông Ngô Anh D chia thừa kế theo tờ di chúc ngày 18/5/2013 dl của ông Ngô Văn C1 cho ông N phần đất có diện tích 1.296m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 1294,3m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M2, M3, M7, M8 trở về mốc M2 thuộc một phần thửa 1209, 294 tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông D đứng tên quyền sử dụng đất.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 14/3/2023 và sơ đồ xác định diện tích thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

2.2. Đình chỉ đối với yêu cầu bà Ngô Kim H2 trả lại sổ lãnh tiền trợ cấp bảo trợ xã hội của ông Ngô Hoàng N và yêu cầu ông Ngô Hoàng N trả lại phần đất có diện tích 129,2m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 trở về mốc M1 thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Ngô Hoàng N do chị Ngô Thị Diễm N1 đại diện theo pháp luật chịu 7.101.290đ, chị Diễm N1 đã tạm ứng và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Hoàng N do chị Ngô Thị Diễm N1 đại diện theo pháp luật được miễn án phí theo quy định. Chị Ngô Thị Diễm N1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng 2.800.000đ theo các biên lai thu số 0004186 ngày 16/02/2023 và 0004682 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Ngô Thị Diễm N1 phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014768 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 12).

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hồng Ngự nay là Toà án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDKT TT và THA TAT;  
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký tên đóng dấu

- TAND Khu Vực 12;
- THADS Tỉnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**Lê Hồng Nước**